

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng
Dự án: Tuyến đường ven biển (ĐT.639),
đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp tuyến đường ven biển đi qua tỉnh Bình Định (đoạn Đề Gi – Mỹ Thành; đoạn cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh);

Căn cứ Quyết định số 3918/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh;

Căn cứ Quyết định số 4666/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 736/SGTVT-GT ngày 04/6/2020, đề nghị của Sở Công Thương tại Văn bản số 349/SCT-QLNL ngày 27/3/2020 và đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 962/TTr-BQLGT ngày 09/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh, với nội dung chính như sau:

- 1. Loại và cấp công trình:** Công trình giao thông đường bộ, cấp II.
- 2. Chủ đầu tư:** Ban QLDA Giao thông tỉnh.
- 3. Địa điểm xây dựng:** Huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 4. Phạm vi xây dựng:** Từ phía Bắc cầu Lại Giang thuộc xã Hoài Hương huyện Hoài Nhơn đến điểm cuối là cầu Thiện Chánh thuộc xã Tam Quan Bắc, huyện Hoài Nhơn. Chiều xây dựng tuyến: 9,61 Km.
 - Điểm đầu: Phía Bắc cầu Lại Giang thuộc xã Hoài Hương huyện Hoài Nhơn, Km94+199 (trùng lý trình ĐT.639 hiện trạng).
 - Điểm cuối: Hết phạm vi cầu Thiện Chánh, Km103+776 (lý trình ĐT.639 hiện trạng là Km103+926).
- 5. Quy mô xây dựng**
 - * **Đoạn 1:** phía bắc cầu Lại Giang đến nút cầu Thiện Chánh, từ Km94+199 – Km103+498.
 - Thiết kế đường theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng theo TCVN 4054-2005.
 - Chiều dài xây dựng đoạn tuyến: $L = 9,33$ Km.
 - Tốc độ thiết kế $V = 80$ km/h.
 - Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} > 140$ Mpa.
 - Tải trọng thiết kế cầu: HL93 theo TCVN11823-2017; cống H30-XB80.
 - Tần suất thiết kế cầu trung $P = 1\%$; cầu nhỏ, cống, nền đường $P = 4\%$.
 - Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 12,0$ m; trong đó:
 - + Bề rộng mặt đường xe cơ giới: $B_{mặt} = 2 \times 3,5m = 7,0$ m.
 - + Bề rộng mặt đường xe thô sơ: $B_{at} = 2 \times 2,0m = 4,0m$.
 - + Bề rộng lề đất: $B_{lề đất} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.
 - * **Đoạn 2:** Từ nút cầu Thiện Chánh đến cuối tuyến từ Km103+498 – Km103+776.
 - Thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị (TCXDVN 104-2007); loại đường phố khu vực.
 - Chiều dài xây dựng đoạn tuyến: 0,28 Km.
 - Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40$ km/h;
 - Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 140$ Mpa;
 - Tải trọng thiết kế cầu: HL93 theo TCVN11823-2017; cống H30-XB80.

- Tần suất thiết kế cầu trung $P = 1\%$; cầu nhỏ, cống, nền đường $P = 4\%$.
- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 13,0\text{m}$, trong đó:
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 9,0\text{m}$.
 - + Bề rộng vỉa hè: $B_{\text{vh}} = 2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$.

a. Nền, mặt đường

- Nền đường: Đắp bằng đất cấp phối đồi, đầm chặt theo yêu cầu. Lớp nền thượng dưới đáy kết cấu áo đường bằng cấp phối đồi đầm chặt K98 dày 50cm.
- Mặt đường:

Mặt đường làm mới gồm các lớp sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
- + Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m².
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
- + Nhựa thấm bảm 1Kg/m².
- + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\text{max}} = 25$) dày 15 cm.
- + Cấp phối đá dăm loại I ($D_{\text{max}} = 37,5$) dày 18 cm.

Mặt đường trên mặt đường BTXM, BTN cũ còn tốt, gồm các lớp sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
- + Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m².
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm.
- + Lớp bù vênh BTN C19 (bằng đá dăm đen khi chiều dày bù vênh > 7cm).
- + Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m².

b. Vĩa hè, bó vỉa trên đoạn 2: Kết cấu bó vỉa hè bê tông M250. Vĩa hè lát gạch block kích thước 30x30x5cm.

c. Nút giao thông, đường giao

- Nút giao: Trên tuyến gồm có 05 nút giao: tại Km94+200 (đầu tuyến), Km95+100, Km95+615; Km96+846 (giao ĐT.639 cũ) và Km103+591 (nút giao cầu Thiện Chánh). Các nút giao dạng cùng mức đơn giản, tổ chức giao thông bằng vạch sơn, đảo di động đảm bảo ATGT và thoát nước tốt. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

- Đường giao dân sinh: Được thiết kế vượt nối vào tuyến chính, phạm vi vượt nối từ tim tuyến chính ra từ 30-50m tùy từng đường giao. Kết cấu mặt đường giao dân sinh như sau:

- + Bù vênh và thảm bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.
- + Nhũ tương dính bảm 0,5Kg/m².
- + Mặt đường hiện trạng.

d. Công trình thoát nước

- Cầu dầm tại Km96+179: Xây dựng cầu BTCT thường, kết cấu nhịp giản đơn gồm 01 nhịp $L=18\text{m}$, chiều dài toàn cầu $L=27,5\text{m}$. Tần suất thiết kế 4%. Sông không thông thuyền. Bề rộng mặt cắt ngang cầu $B = 12,0\text{m}$. Kết cấu như sau:

+ Dầm “T”, bằng BTCT chiều dài nhịp $L = 18\text{m}$, mặt cắt ngang cầu gồm 6 dầm chủ, khoảng cách giữa các dầm $2,0\text{m}$, chiều cao dầm chủ $1,23\text{m}$.

+ Gối cầu bằng cao su cốt bản thép. Khe co giãn bằng thép, dạng ray.

+ Kết cấu móng chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ, trên hệ móng cọc kích thước $40 \times 40\text{cm}$, BTCT 25MPa đá 1x2, chiều dài cọc dự kiến 12m .

+ Móng móng, tường cánh bằng BTCT 20MPa đá 2x4.

+ Thân móng, mũ móng, tường ngực BTCT 25MPa đá 2x4.

- Cầu Thiện Chánh: Xây dựng cầu BTCT thường và BTCT UST. Kết cấu nhịp giản đơn gồm 03 nhịp, mỗi nhịp $L = 20\text{m}$, chiều dài toàn cầu $L = 69,21\text{m}$. Tàn suất lũ thiết kế 1%. Bề rộng mặt cắt ngang cầu $B = 13,0\text{m}$ (phần xe chạy 9m và lề bộ hành khác mức mỗi bên 2m). Sông thông thuyền cấp VI. Khổ thông thuyền $B \times H = 15 \times 2,5\text{m}$. Kết cấu như sau:

+ Mặt cắt ngang cầu gồm 13 dầm bản BTCT DƯỠ 40MPa đá 1x2, chiều cao dầm $H = 0,65\text{m}$.

+ Lớp liên kết bản bằng BTCT 30MPa đá 1x2 dày trung bình $15,0\text{cm}$.

+ Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép. Khe co giãn bằng thép răng lược (tại móng), liên tục nhiệt (tại trụ).

Móng cầu:

+ Kết cấu móng chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ, trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $1,0\text{m}$, BTCT 30MPa đá 1x2, chiều dài cọc M1, M2 dự kiến là $27,35\text{m}$.

+ Móng móng, tường cánh bằng BTCT 25MPa đá 1x2.

+ Thân móng, mũ móng, tường ngực, đá kê gối bằng BTCT 30MPa đá 1x2.

Trụ cầu:

+ Dạng trụ thân cột (gồm 02 cột) bằng BTCT đổ tại chỗ, trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính $1,0\text{m}$ BTCT 30MPa đá 1x2, chiều dài cọc trụ T1 dự kiến là $26,35\text{m}$, chiều dài cọc trụ T2 dự kiến là $24,85\text{m}$.

+ Bệ trụ, thân trụ, xà mũ, đá kê gối bằng BTCT 30MPa đá 1x2.

- **Cống thoát nước ngang đường:** Trên toàn tuyến có 12 vị trí xây dựng cống, kết cấu bằng ống cống BTLT, đối với cống vuông bằng BTCT đổ tại chỗ.

- **Rãnh dọc thoát nước:** Đối với các đoạn đi qua khu vực đông dân cư bố trí hệ thống rãnh dọc bằng bê tông cốt thép.

- **Hệ thống thoát nước mặt đường trên đoạn 2:** Từ nút cầu Thiện Chánh đến cuối tuyến (Km103+498 – Km103+776), gồm hệ thống cống dọc và cống ngang đường bằng. Kết cấu ống cống BTLT Ø60. Hố ga trên vỉa hè kết cấu bê tông M250, tấm đan dulong BTCT M250. Hố thu nước trên mặt đường kết cấu bằng BTCT M250.

d. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41: 2016/BGTVT và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 39:2011/BGTVT về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam.

e. Đường công vụ: Gồm 02 đoạn tuyến:

- Đoạn 1: Từ ngã tư thôn Thanh Xuân, xã Hoài Hương đến ngã ba chợ Gồm, xã Hoài Xuân dài 4,72 Km: Tận dụng nền đường cũ $B_n = 9,0 - 9,5\text{m}$, mở rộng phần mặt đường từ 3,0m thành 7,5m. Kết cấu mặt đường mở rộng bằng CPĐD loại 1 Dmax25 dày 20cm, tưới nhựa thấm bảm 1,0Kg/m².

- Đoạn 2: Từ ngã ba chợ Gồm, xã Hoài Xuân đến mỏ đất dài 0,51 Km: Tận dụng đường cũ, thiết kế mở rộng nền đường thành 7,5m, mặt đường thành 6,5m. Kết cấu mặt đường mở rộng bằng CPĐD loại 1 Dmax25 dày 20cm, tưới nhựa thấm bảm 1,0Kg/m².

g. Hạng mục khác

- Gia cố mái ta luy nền đường đoạn 1:

+ Đối với đoạn nền đường đắp thông thường, mái ta luy được trồng cỏ.

+ Đối với các đoạn nền đường đắp qua ao hồ được gia cố bằng tấm bê tông M200 đúc sẵn KT 50 x 50 x 6(cm); phần lề đường được gia cố bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.

- Gia cố mái ta luy nền đường đoạn 2: Kết cấu mái bằng BTXM 16Mpa. Kết cấu chân khay bằng ống BTLT Ø60.

h. Hệ thống điện chiếu sáng

- Xây dựng mới đường dây 22kV, đường dây chiếu sáng và 03 trạm biến áp 3 pha 30kVA-22/0,4kV để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng gồm:

+ Đường dây 22kV xây dựng mới đi nổi để cấp điện cho 03 trạm biến áp chiếu sáng với tổng chiều dài tuyến là 120m, dây dẫn loại cáp nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE 12,7/24kV-AC70mm².

+ Đường dây chiếu sáng xây dựng mới đi trên không, có tổng chiều dài tuyến là 6.749m và đi ngầm có tổng chiều dài tuyến 217m, dây dẫn cấp nguồn theo tuyến chiếu sáng đi trên không sử dụng cáp nhôm bọc vụn xoắn LV ABC(4x16)mm² – 0,6/1kV và cấp nguồn theo tuyến chiếu sáng đi ngầm sử dụng cáp ngầm CXV/DSTA (4x16)mm² - 0,6/1kV. Cấp nguồn cho tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp đồng CVV 4x35mm². Cáp lên đèn bằng dây đèn bằng dây bọc loại CVV(2x2,5)mm² – 0,6/1kV. Đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn LED 180W – 220V.

+ Xây dựng mới 03 trạm biến áp 3 pha, mỗi trạm có công suất 30kVA-22/0,4kV, có kết cấu kiểu treo trên cột BTLT ngoài trời, không có tường rào bao che.

- Cột bê tông ly tâm các loại: PC.I-14-190-11, PC.I-14-190-9,2 và BTLT-10,5mC (trụ đèn chiếu sáng đi trên không). Cột chiếu sáng loại cột thép tròn côn cao 10mC (bao gồm cần đèn cao 2m), được mạ kẽm nhúng nóng.

- Móng cột bê tông cốt thép đúc tại chỗ ký hiệu: MT-4G, MT-3, MT-1, MG-1, MG-2 và móng cột đèn chiếu sáng MCS.06.

- Sứ đứng và sứ treo loại 24kV.

- Tiếp địa trạm: Loại cọc tia NDT-20C + 02 Giếng nổi đất, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.

- Tiếp địa cột: Loại cọc tia NĐC-6C, NĐC-6C+ 01 giếng nổi đất, NĐC-3C, NĐC-1C, các chi tiết mạ kẽm nhúng nóng.
- Xà dulong thép hình gia công mạ kẽm nhúng nóng.
- Cản đèn chiếu sáng dulong thép ống tráng kẽm Ø48 dài 3m.
- Tủ điện hạ thế 0,4kV loại TĐ-3 sơn tĩnh điện.
- Tủ điều khiển chiếu sáng tự động 2 chế độ.
- Cáp lực tổng 600V: (3CV35+1CV25)mm².
- Bảo vệ quá điện áp khí quyển dulong chống sét van polymer 18kV.
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía trung áp của đầu nhánh rẽ đường dây trên không cấp điện cho các trạm biến áp chiếu sáng dulong cầu chì tự rơi FCO-24kV-100A.
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch phía hạ áp dulong Aptomat tổng 3 cực 600V-75A.
- Tủ bù hạ thế của mỗi trạm biến áp là 20kVAr-400V, điều khiển đóng cắt tự động theo hệ số công suất đảm bảo $\cos\phi \geq 0,9$.

6. Tổng dự toán xây dựng

Đơn vị tính: đồng.

Khoản mục chi phí	Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	Hạng mục: Điện chiếu sáng	Tổng cộng
Chi phí xây dựng	139.208.612.000	11.850.245.000	151.058.857.000
Chi phí thiết bị		321.412.000	321.412.000
Chi phí quản lý dự án	2.137.485.000	145.440.000	2.282.925.000
Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng	13.431.266.000	690.484.000	14.121.750.000
Chi phí khác	11.334.605.000	172.920.000	11.507.525.000
Chi phí dự phòng	11.865.377.000	941.483.000	12.806.860.000
Tổng cộng	177.977.345.000	14.121.984.000	192.099.329.000

7. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia; Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh quản lý; Vốn hợp pháp khác (bao gồm vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 nếu có).

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2023.

10. Tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19 (M.14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng